

Bản án số: 04/2026/LĐ-ST
Ngày: 13-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tâm.

Ông Nguyễn Thanh Cần.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 36/2026/TLST-LĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng lao động, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-LĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà **Võ Thị Bích H**, sinh năm 1990, số căn cước công dân: 089190020296; địa chỉ thường trú: **tổ A, khóm V, xã V, tỉnh An Giang**; địa chỉ tạm trú: **số B, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**, số điện thoại: 0985.736.710; có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH S (Tên cũ Công ty TNHH T2); địa chỉ trụ sở: **số A, đường K, tổ A, Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Người đại diện theo pháp luật: LEE SUNG MIN.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà **Lâm Thị T**, sinh năm 1982, số căn cước công dân: 052182006442; địa chỉ: **đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 30/01/2026); có đơn xin vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Võ Thị Bích H1**, sinh năm 1993; số căn cước công dân: 089193006785; địa chỉ thường trú: **xóm K, Thôn K, xã P, tỉnh Gia Lai**; số điện thoại 0378.223.378; có đơn xin vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội **Cơ sở T3**; địa chỉ trụ sở: **khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà **Võ Thị Bích H** trình bày:

Bà **H** làm việc tại **Công ty TNHH L** (địa chỉ: **khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương**) từ tháng 7/2010 cho đến tháng 02/2013 thì nghỉ việc. Quá trình làm việc, Công ty đóng bảo hiểm cho bà với mã số BHXH: 7410067578 và bà đã nhận tiền bảo hiểm.

Vào khoảng thời gian này, bà cho em ruột là **Võ Thị Bích H1** (sinh năm 1993, CCCD số: 089193006785; địa chỉ thường trú: **xóm K, Thôn K, xã P, tỉnh Gia Lai**) mượn chứng minh nhân dân của bà để làm việc tại **Công ty TNHH S** (tên cũ là **Công ty TNHH T2**); địa chỉ trụ sở: **số A, đường K, tổ A, Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 với mã số BHXH: 7410172569. Việc trùng thời gian đóng BHXH làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết: tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa bà **Võ Thị Bích H** với **Công ty TNHH S** thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 là vô hiệu.

2. Bị đơn **Công ty TNHH S** do người đại diện theo ủy quyền trình bày: năm 2010, **Công ty TNHH T2** (nay là **Công ty TNHH S**) có ký hợp đồng lao động với bà **Võ Thị Bích H**, sinh ngày 15/8/1990; địa chỉ thường trú: **huyện C, tỉnh An Giang**. Công ty không biết người lao động làm việc thực tế tại Công ty là bà **Võ Thị Bích H1** (sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: **xóm K, Thôn K, xã P, tỉnh Gia Lai**) và cũng không biết bà **H1** đã sử dụng giấy tờ tùy thân của bà **H** để giao kết hợp đồng lao động với Công ty. Nay bà **H** khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty với bà **H** vô hiệu thì **công ty Đ** và không có ý kiến, yêu cầu gì.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị Bích H1** trình bày:

Trước đây, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà đã mượn chứng minh nhân dân của chị ruột là **Võ Thị Bích H** (số CMND: 352042690) để xin vào làm việc tại **Công ty TNHH T2** (nay là **Công ty TNHH S**) thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010. Quá trình làm việc, bà được **Công ty T4** nhưng khi bà nghỉ việc thì chưa được Công ty trả số bảo hiểm xã hội.

Nay bà **H** khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa **Công ty TNHH T2** (nay là **Công ty TNHH S**) với bà **Võ Thị Bích H** (người thực tế làm việc tại công ty là bà **Võ Thị Bích H1**) vô hiệu thì bà đồng ý và không có yêu cầu gì.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Bảo hiểm xã hội Cơ sở Tân Uyên** trình bày: căn cứ quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, đề nghị Tòa án tuyên buộc theo quy định trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc đóng hưởng của người lao động và không ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội. Đồng thời, Bảo hiểm xã hội **Cơ sở T3** xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nêu trên.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: không có.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà **Võ Thị Bích H** khởi kiện bị đơn **Công ty TNHH S** yêu cầu tuyên hợp đồng lao động vô hiệu. Bị đơn có trụ sở tại **phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Do đó, căn cứ vào khoản 5 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Các đương sự vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về nội dung: bà **Võ Thị Bích H** và bà **Võ Thị Bích H1** đều thống nhất nội dung: bà **Võ Thị Bích H1** là người trực tiếp tham gia giao kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH T2** (nay là **Công ty TNHH S**) từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 với tên **Võ Thị Bích H**. Quá trình làm việc, **Công ty TNHH S** tham gia đóng bảo hiểm cho bà **Võ Thị Bích H1** với tên **Võ Thị Bích H** theo mã số BHXH 7410172569. Xét thấy, việc bà **Võ Thị Bích H1** sử dụng thông tin của bà **Võ Thị Bích H** để giao kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH S** là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động. Do đó, việc bà **Võ Thị Bích H** yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Võ Thị Bích H** (do bà **Võ Thị Bích H1** thực hiện) và **Công ty TNHH S** trong thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: nguyên đơn tự nguyên chịu án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Võ Thị Bích H** đối với bị đơn **Công ty TNHH S** về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Võ Thị Bích H** và **Công ty TNHH S**, thời gian làm việc từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Án phí lao động sơ thẩm: bà **Võ Thị Bích H** phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045374 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Thanh Cần Tổng Văn T1

Lê Thị H2